



MÃ MÔN: ENG209

Học kỳ : 1

Lần thi : 1

Thời gian : 07/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
					5%	10%	20%	10%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
1	172617013	Lê Thị Ngọc	Ánh	ENG 209 A	K17NAB	10	10	8	8					6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
2	172617014	Nguyễn Thị Hải	Châu	ENG 209 A	K17NAB	10	9	8	8					6.5	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
3	162625019	Hồ Thị Bích	Dân	ENG 209 A	K17NAD	10	9	7.5	7					5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
4	172618878	Hà Thị Thúy	Diễm	ENG 209 A	K17NAB	10	10	7.5	8					4	6.0	Sáu	
5	172627001	Phan Thị Mĩ	Dung	ENG 209 A	K17NAD	10	9.5	7	7.5					5.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
6	172617015	Trần Thị Lệ	Hằng	ENG 209 A	K17NAB	10	9.5	8	8					7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
7	171685257	Trần Việt	Hằng	ENG 209 A	K17NCD1	10	10	10	10					8	8.9	Tám Phẩy Chín	
8	172617016	Lê Thị	Hương	ENG 209 A	K17NAD	10	9	7.5	7					6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
9	152614386	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	ENG 209 A	K17NAB	0	0	0	0					v	0.0	Không	
10	172627002	Phạm Thị	Lê	ENG 209 A	K17NAD	10	9	7	8.5					6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
11	172617017	Lê Thị Mỹ	Luyện	ENG 209 A	K17NAB	10	9	7	8.5					6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai	
12	162625034	Nguyễn Thị Thảo	Ly	ENG 209 A	K17NAD	10	9	7	7					6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
13	171685275	Võ Thị Thanh	Nhàn	ENG 209 A	K17NCD1	10	10	10	10					8	8.9	Tám Phẩy Chín	
14	162616557	Lê Thị	Nhi	ENG 209 A	K17NAB	10	9	7	7.5					8	8.0	Tám	
15	171685278	Nguyễn Thụy Quỳnh Như		ENG 209 A	K17NCD2	10	9	7	7.5					7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
16	172627004	Nguyễn Thị Kim	Nữ	ENG 209 A	K17NAD	10	9	8	8					7	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
17	172617018	Lê Thị Minh	Phương	ENG 209 A	K17NAB	10	9	8	7.5					7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
18	171685281	Vương Thảo	Quyên	ENG 209 A	K17NCD2	10	9	8.5	9					8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
19	171685283	Nguyễn Thị Thu	Sương	ENG 209 A	K17NCD2	0	0	0	0					v	0.0	Không	
20	171685292	Nguyễn Thị Bích	Thảo	ENG 209 A	K17NCD2	0	0	0	0					hp	0.0	Không	
21	171685293	Nguyễn Lê Trí	Thịnh	ENG 209 A	K17NCD2	10	10	10	10					10	10.0	Mười	
22	172627007	Hà Thanh	Thu	ENG 209 A	K17NAD	10	9.5	8	8					7.5	8.0	Tám	
23	172627006	Nguyễn Thị Diệu	Thu	ENG 209 A	K17NAD	10	9	7.5	8					7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
24	172627008	Nguyễn Đỗ Thị Minh Thư		ENG 209 A	K17NAD	10	9	7	8					7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
25	171685296	Trần Thị	Thuận	ENG 209 A	K17NCD2	10	9.5	8	8					8	8.3	Tám Phẩy Ba	
26	172617021	Trần Thị Kim Phùng	Thuỷ	ENG 209 A	K17NAB	10	10	8.5	9					9	9.1	Chín Phẩy Một	
27	172617022	Phạm Thị Bích	Thúy	ENG 209 A	K17NAB	10	10	8	7.5					8	8.3	Tám Phẩy Ba	
28	172619020	Đinh Thị	Thủy	ENG 209 A	K17NAB	10	9	7	7.5					7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
29	172627009	Nguyễn Thị Bích	Thủy	ENG 209 A	K17NAD	10	9.5	8	8.5					8	8.3	Tám Phẩy Ba	
30	172617023	Hoàng Thị Thùy	Trang	ENG 209 A	K17NAB	10	9	7	7					6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
31	172617024	Lê Thị Phương	Trang	ENG 209 A	K17NAB	10	9	7.5	8					7.5	7.8	Bảy Phẩy Tám	
32	171685303	Nguyễn Mai Khánh	Trang	ENG 209 A	K17NCD2	10	9	7	7.5					7.5	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
33	172627010	Đặng Khánh	Trinh	ENG 209 A	K17NAD	10	10	8.5	8.5					9	9.0	Chín	
34	172617025	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	ENG 209 A	K17NAB	10	10	7.5	8					8	8.2	Tám Phẩy Hai	
35	172618877	Nguyễn Ngọc Kim	Uyên	ENG 209 A	K17NAB	10	9.5	7.5	8.5					8	8.2	Tám Phẩy Hai	



Thời gian : 07/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP									ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
					5%	10%	20%	10%	0%	0%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	32	91%	
2	Số sinh viên nợ	3	9%	
TỔNG CỘNG :		35	100%	

NGƯỜI LẬP

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2012
TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC & SAU ĐẠI HỌC

PHẠM NGỌC TÍNH

THS. NGUYỄN HỮU PHÚ